

BẢN TIN TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN CÁC LƯU VỰC SÔNG VÙNG TÂY NGUYÊN NĂM 2024

TUẦN TỪ 09/5 ÷ 15/5/2024

Vụ Đông Xuân 2023-2024 toàn vùng Tây Nguyên có diện tích gieo trồng 188,5 nghìn ha cây trồng hàng năm (khoảng 87 nghìn ha lúa, 101,5 nghìn ha màu và cây hàng năm khác), ngoài ra toàn vùng hiện có khoảng trên 892 nghìn ha diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả cần tưới. Các công trình thủy lợi trong vùng có nhiệm vụ cấp nước cho tổng diện tích khoảng 248,5 nghìn ha (83 nghìn ha lúa, 16,4 nghìn ha màu và cây hàng năm khác, 149,1 nghìn ha cây lâu năm). Hiện tại đang thu hoạch lúa vụ Đông Xuân 2023-2024, tổng diện tích thu hoạch đạt khoảng 85% diện tích gieo trồng.

Hiện tại, tình hình hạn hán, thiếu nước trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Nguyên đã bớt căng thẳng do từ đầu tháng 5/2024 đến nay trong vùng đã có mưa. Tính từ đầu năm 2024 đến nay, tổng diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước toàn vùng Tây Nguyên khoảng 31.349 ha (tỉnh Kon Tum 175 ha, tỉnh Gia Lai 1.173 ha, tỉnh Đắk Lắk 5.100 ha, tỉnh Đắk Nông 12.239 ha và tỉnh Lâm Đồng 12.662 ha), chủ yếu là diện tích ngoài các hệ thống công trình thủy lợi đặc biệt đã có 112 ha lúa bị mất trắng (tỉnh Gia Lai 89 ha, tỉnh Lâm Đồng 23 ha).

Trong tuần từ 02/5 ÷ 08/5/2024, các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên đã có mưa rải rác với tổng lượng mưa phổ biến từ 20 ÷ 50 mm. Nguồn nước trong các hồ chứa thủy lợi hiện tại đạt từ 24 ÷ 42% DTTK, thấp hơn so với cùng kỳ TBNN khoảng 13% (có 716 hồ dung tích chỉ đạt dưới 50% DTTK, 165 hồ mực nước dưới MNC). Dự báo tuần tới, trong vùng có mưa phổ biến từ 10 ÷ 30 mm, vì vậy nhìn chung diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước sẽ giảm và khả năng sẽ kết thúc vào giai đoạn cuối tháng 5/2024.

Viện Quy hoạch Thủy lợi xây dựng bản tin tuần “Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp” vùng Tây Nguyên với nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

a) Nhận xét tình hình mưa tuần qua

Trong tuần từ 02/5 ÷ 08/5/2024 các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên có mưa đến mưa vừa, tổng lượng mưa trung bình tại các trạm tính từ đầu năm 2024 đến thời điểm hiện tại so với TBNN ở mức thấp hơn từ 30 ÷ 80%, riêng trạm An Khê (tỉnh Gia Lai) lớn hơn 14% so với TBNN.

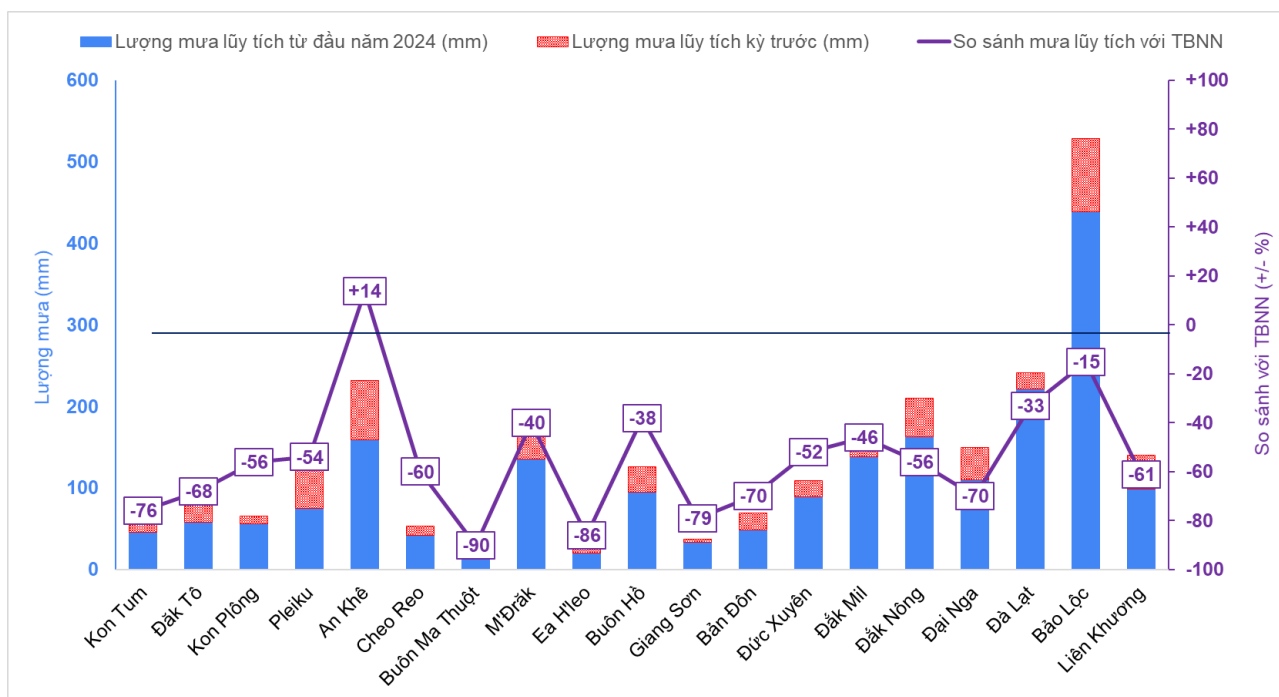
b) Đánh giá tình hình mưa trong giai đoạn tiếp theo

Dự báo tuần tới (từ ngày 09/5 ÷ 15/5/2024) trong vùng có mưa phổ biến từ 10 ÷ 30 mm, riêng khu vực tỉnh Lâm Đồng phổ biến từ 40 ÷ 60 mm.

Lượng mưa trong tuần qua, lượng mưa lũy tích từ đầu năm 2024 đến nay, so sánh với cùng kỳ và dự báo tuần tới như bảng sau:

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa tuần, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Tỉnh	Tuần qua (mm)	Từ đầu năm 2024 đến nay (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo kỳ tới (mm)
					TBNN	2023	2022	2016	2015	
1	Kon Tum	Kon Tum	37	46	-76	-60	-88	-20	-76	20
2	Đắk Tô		26	58	-68	-75	-83	-22	-29	30
3	Kon Plông		10	56	-56	-57	-73	+31	+194	20
4	Pleiku	Gia Lai	75	75	-54	+20	-64	-22	+38	10
5	An Khê		73	159	+14	+115	+101	-42	+321	10
6	Cheo Reo		11	42	-60	-38	+251	-71	-51	10
7	Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	17	18	-90	-29	-85	-79	-49	20
8	M'Đrăk		30	136	-40	-52	-66	-79	+53	10
9	Ea H'leo		13	20	-86	-56	-90	-72	-90	10
10	Buôn Hồ		31	95	-38	+13	-21	-1	+92	10
11	Giang Sơn		3	34	-79	-54	-79	-63	-64	20
12	Bản Đôn		20	49	-70	-16	-84	+51	-47	20
13	Đức Xuyên	Đắk Nông	20	89	-52	-25	+7	+79	-13	30
14	Đắk Mil		39	138	-46	-18	-64	+9	-25	20
15	Đắk Nông		47	163	-56	-43	-61	-41	-48	40
16	Đại Nga	Lâm Đồng	40	110	-70	-65	-77	-62	-53	50
17	Đà Lạt		19	222	-33	-17	-56	0	-38	30
18	Bảo Lộc		90	439	-15	-14	-42	+40	+60	60
19	Liên Khương		41	99	-61	-49	-51	-24	-63	30
Trung bình			3÷90	18÷439	-55	-27	-38	-20	+6	10÷60



Hình 1. Lượng mưa lũy tích tại các trạm và so sánh với TBNN

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Dung tích trữ các hồ chứa thủy lợi trong vùng hiện tại đạt từ 24%÷42% DTTK, giảm khoảng 1% so với tuần trước, **thấp hơn cùng kỳ TBNN khoảng 13%**. Cụ thể từng lưu vực như sau:

1. Lưu vực sông Sê San: Tổng dung tích hiện tại đạt 27% (giữ nguyên so với kỳ trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế thấp hơn 7% so với TBNN, thấp hơn 23% so

với năm 2023, thấp hơn 19% so với năm 2022, cao hơn 4% so với năm 2016 và cao hơn 2% so với năm 2015.

2. Vùng thượng sông Ba vùng Tây Nguyên: Tổng dung tích hiện tại đạt 37% (giữ nguyên so với kỳ trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế thấp hơn 7% so với TBNN, thấp hơn 6% so với năm 2023, thấp hơn 23% so với năm 2022, cao hơn 13% so với năm 2016 và cao hơn 6% so với năm 2015.

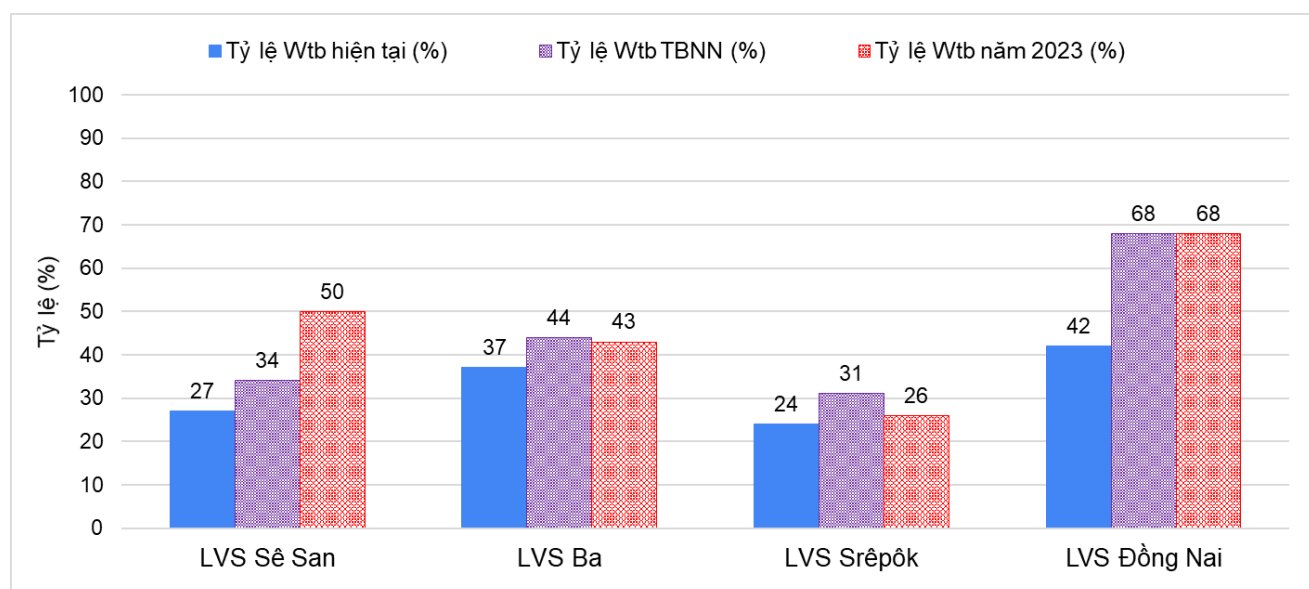
3. Lưu vực sông Srêpôk: Tổng dung tích hiện tại đạt 24% (giảm 1% so với kỳ trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế thấp hơn 7% so với TBNN, thấp hơn 2% so với năm 2023, thấp hơn 20% so với năm 2022, thấp hơn 1% so với năm 2016 và tương đương so với năm 2015.

4. Lưu vực sông Đồng Nai vùng Tây Nguyên: Tổng dung tích hiện tại đạt 42% (giảm 2% so với kỳ trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế thấp hơn 26% so với TBNN, thấp hơn 26% so với năm 2023, thấp hơn 28% so với năm 2022, tương đương so với năm 2016 và thấp hơn 10% so với năm 2015.

Chi tiết nguồn nước trong các hồ chứa thủy lợi xem phụ lục đi kèm, tổng hợp theo các lưu vực sông xem trong bảng 1.2 như sau.

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước trong các công trình thủy lợi

TT	Lưu vực sông và phụ cận	Dung tích Wtb (triệu m ³)		Tỷ lệ hiện tại (%)		Chênh lệch hiện tại so với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo Wtb kỳ tới (+/-%)
		Thiết kế	Hiện tại	Wtb	Whi	TBNN	2023	2022	2016	2015	
	Tổng cộng, TB	1.231	377	31	20	-13	-12	-24	+2	-2	0
1	Lưu vực sông Sê San	89	24	27	13	-7	-23	-19	+4	+2	0
2	Lưu vực sông Ba	351	131	37	24	-7	-6	-23	+13	+6	0
3	Lưu vực sông Srêpôk	630	154	24	16	-7	-2	-20	-1	0	0
4	Lưu vực sông Đồng Nai	162	69	42	30	-26	-26	-28	0	-10	0



Hình 2. Tỷ lệ dung tích hiện tại và so sánh với cùng kỳ TBNN và năm 2023

b) Nguồn nước trữ trong các hồ chứa thủy điện

Tuần qua, tổng dung tích các hồ thủy điện trong vùng giảm khoảng 38 triệu m³. Hiện tại dung tích hữu ích các hồ thủy điện trong vùng trung bình đạt khoảng **41% DTTK**, cao hơn cùng kỳ TBNN khoảng 10%, cụ thể từng lưu vực như sau:

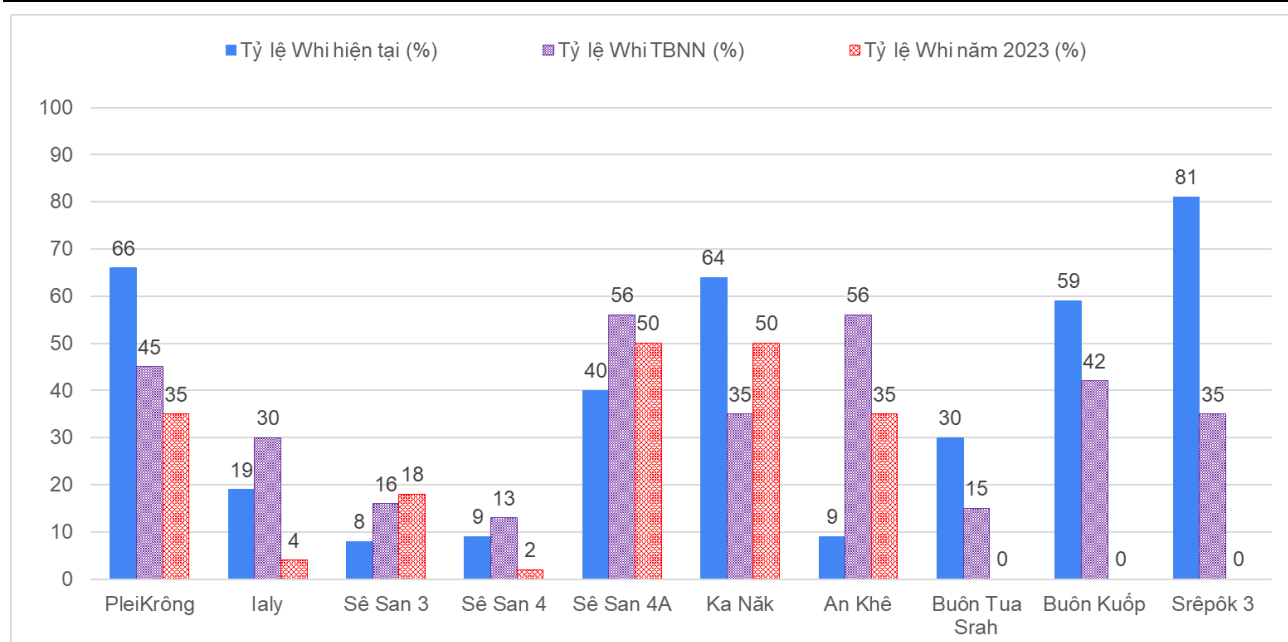
- Lưu vực sông Sê San: Tuần qua tổng dung tích các hồ giảm khoảng 14 triệu m³. Hiện tại, hồ PleiKrông dung tích đạt 66% DTTK, hồ Ialy đạt 19% DTTK và Sê San 4 đạt 9% DTTK. So sánh với cùng kỳ TBNN, hồ PleiKrông cao hơn 21%, hồ Ialy thấp hơn 11% và hồ Sê San 4 thấp hơn 4%.

- Lưu vực thượng sông Ba: Tuần qua, tổng dung tích các hồ giảm khoảng 1 triệu m³. Hiện tại, hồ Ka Năk dung tích đạt 64% DTTK, hồ An Khê đạt 9% DTTK. So sánh với cùng kỳ TBNN, hồ Ka Năk cao hơn 29%, hồ An Khê thấp hơn 47%.

- Lưu vực sông Srêpôk: Tuần qua tổng dung tích các hồ giảm khoảng 23 triệu m³. Hiện tại, hồ Buôn Tua Srah dung tích đạt 30% DTTK, hồ Buôn Kuốp đạt 59% DTTK và Srêpôk 3 đạt 81% DTTK. So sánh với cùng kỳ TBNN, hồ Buôn Tua Srah cao hơn 15%, hồ Buôn Kuốp cao hơn 17%, và hồ Srêpôk 3 cao hơn 46%.

Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước của các hồ thủy điện

TT	Tên công trình	Dung tích Wtb (triệu m ³)		Tỷ lệ hiện tại (%)		So sánh dung tích hiện tại với cùng kỳ (+/-%)					Q đến (m ³ /s)	Q chạy máy (m ³ /s)	Q xả qua tràn (m ³ /s)
		Thiết kế	Hiện tại	Wtb	Whi	TBNN	2023	2022	2016	2015			
Tổng cộng/TB		4.483	2.789	62	41	+10	+24	0	+18	+19			
1	PleiKrông	1.049	730	70	66	+21	+31	-5	+43	+23	34	84	0
2	Ialy	1.037	404	39	19	-11	+15	-4	-8	-36	53	128	0
3	Sê San 3	92	89	96	8	-8	-10	-2	0	-16	44	141	0
4	Sê San 4	893	652	73	9	-4	+7	-22	+2	-2	52	176	0
5	Sê San 4A	13	9	65	40	-16	-10	-30	+22	-12	0	0	0
6	Ka Năk	314	212	68	64	+29	+14	+16	+32	+39	6	7	0
7	An Khê	16	11	68	9	-47	-26	-70	-32	-75	7	0	6
8	Buôn Tua Srah	787	419	53	30	+15	+30	+11	+13	+6	31	83	0
9	Buôn Kuốp	63	57	90	59	+17	+59	-9	+53	-33	50	125	0
10	Srêpôk 3	219	207	95	81	+46	+81	+51	+30	+40	86	181	1



Hình 3. Tỷ lệ dung tích hữu ích các hồ thủy điện hiện tại và so sánh với cùng kỳ TBNN và năm 2023

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Vụ Đông Xuân 2023-2024, tổng diện tích cây trồng cần cấp nước tại các công trình thủy lợi trong vùng khoảng trên 248,5 nghìn ha bao gồm lúa, cây hàng năm khác và các cây công nghiệp, trong đó các hệ thống công trình thủy lợi vừa và lớn trong bản tin đảm nhận cấp nước cho diện tích khoảng trên 78.034 ha (chiếm khoảng 31%). Hiện tại hầu hết các hệ thống công trình đã ngừng cấp nước cho cây trồng, chỉ còn cấp nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi. Cụ thể tại từng lưu vực như sau:

1. Lưu vực sông Sê San: Tổng diện tích sản xuất của 25 hệ thống công trình thủy lợi vừa và lớn trên lưu vực sông Sê San là 9.145 ha (2.129 ha lúa, 336 ha màu và cây hàng năm khác, 6.680 ha cây công nghiệp), trong vụ Đông Xuân 2023-2024 có hồ C19 chỉ đáp ứng khoảng 8%, hồ Biên Hồ B chỉ đáp ứng khoảng 90% diện tích theo kế hoạch.

2. Lưu vực thượng sông Ba: Tổng diện tích sản xuất của 23 công trình trên lưu vực thượng sông Ba vùng Tây Nguyên là 15.519 ha (9.615 ha lúa, 2.560 ha màu và cây hàng năm khác, 3.344 ha cây công nghiệp), trong vụ Đông Xuân 2023-2024 có hồ Ea Koa chỉ đáp ứng khoảng 95% diện tích theo kế hoạch.

3. Lưu vực sông Srêpôk: Tổng diện tích sản xuất của 31 hệ thống công trình thủy lợi trên lưu vực sông Srêpôk là 38.679 ha (22.664 ha lúa, 1.373 ha màu và cây hàng năm khác, 14.642 ha cây công nghiệp), tổng nhu cầu nước từ nay đến cuối vụ khoảng 5 triệu m³. Kết quả tính toán cân bằng nước toàn hệ thống cho thấy có 26/31 công trình đảm bảo phục vụ cấp nước, có 5/31 công trình chỉ đáp ứng một phần diện tích là các hồ Plepai-Ialốp (tỉnh Gia Lai), hồ Ea Kar, hồ Vụ Bồn (tỉnh Đắk Lắk) và hồ Đắk Đ'rông, Đắk Gon thượng (tỉnh Đắk Nông).

4. Lưu vực sông Đồng Nai: Tổng diện tích sản xuất tại 29 công trình thủy lợi vừa và lớn trên lưu vực sông Đồng Nai là 14.691 ha (2.967 ha lúa, 1.137 ha màu và cây hàng năm khác, 10.587 ha cây công nghiệp), trong vụ Đông Xuân 2023-2024 có hồ Liên Hà, Thôn 1, Thôn 3 và hồ Dạ Hàm chỉ đáp ứng khoảng 90÷95% diện tích theo kế hoạch.

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình vừa và lớn

TT	Lưu vực sông	Dung tích hiện tại (triệu m ³)		Diện tích (ha)	Nhu cầu nước còn lại đến cuối vụ (triệu m ³)	Nhu cầu nước tuần tới (triệu m ³)	Kế hoạch sử dụng nước			Khuyến cáo tuần tới
		Wtb	Whi				Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
	Tổng cộng	386,8	216,2	78.034	4,8	4,8	97,0	75.707	23	
1	Lưu vực sông Sê San	24,2	9,7	9.145	0,0	0,0	94,7	8.659	13	Đủ nước
2	Lưu vực sông Ba	130,4	67,3	15.519	0,2	0,2	99,9	15.505	23	Đủ nước
3	Lưu vực sông Srêpôk	160,4	96,1	38.679	4,6	4,6	95,5	36.939	26	Thiếu cục bộ
4	Lưu vực sông Đồng Nai	71,8	43,2	14.691	0,0	0,0	99,4	14.604	32	Đủ nước

2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Dự báo hết tuần sau, lượng mưa cộng dồn trung bình từ đầu năm 2024 tại các trạm phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN từ 20÷50%, tuy nhiên từ đầu tháng 5/2024 đến nay trong vùng đã có mưa, cục bộ một số khu vực có mưa vừa vì vậy tình trạng hạn hán, thiếu nước sẽ bớt căng thẳng, diện tích cây trồng bị ảnh hưởng sẽ giảm trong thời gian tới và khả năng sẽ kết thúc vào giai đoạn cuối tháng 5/2024.

Bảng 2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Tỉnh/TP	Vùng, huyện	Hiện trạng + dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Cảnh báo
					Năm Min	Năm TB	Năm Max	
1	Kon Tum	Kon Tum	TP Kon Tum, Đăk Hà	66	-10	-75	-87	Hạn vừa
2	Đăk Tô		Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi, Đăk Tô	88	+20	-64	-79	Hạn vừa
3	Kon Plông		KonPlong, Kon Rẫy	76	-62	-59	-84	Hạn vừa
4	Pleiku	Gia Lai	TP PleiKu, Ia Grai, ChưPah	85	+100	-62	-86	Hạn vừa
5	An Khê		An Khê, KBang	169	+403	-7	-65	Hạn nhẹ, cục bộ
6	Cheo Reo		Phú Thiện, AyunPa, EaHleo, Ea Kar, M'Đrak, Krông Pa, Krông Năng	52	+543	-66	-86	Hạn vừa
7	Buôn Ma Thuột	Đăk Lăk	Buôn Ma Thuột	38	+233	-86	-93	Hạn vừa
8	M'Đrăk		Mdrak	146	+777	-49	-83	Hạn vừa
9	Ea H'leo		Eahleo	30	+40	-85	-93	Hạn vừa
10	Buôn Hồ		Buôn Hồ	105	+233	-48	-74	Hạn vừa
11	Giang Sơn		Krông Bông, Krông Păk	54	+2380	-78	-89	Hạn vừa
12	Bản Đôn		Bản Đôn	69	+45	-71	-88	Hạn vừa
13	Đức Xuyên	Đăk Nông	Krông Nô	119	+763	-54	-81	Hạn vừa
14	Đăk Mil		Đak Mil	158	+128	-51	-76	Hạn vừa
15	Đăk Nông		Gia Nghĩa	203	+114	-56	-79	Hạn vừa
16	Đại Nga	Lâm Đồng	Đà Lạt	160	-4	-61	-76	Hạn vừa
17	Đà Lạt		Đà Lạt	252	+74	-34	-63	Hạn vừa
18	Bảo Lộc		Bảo Lộc	499	+126	-16	-59	Hạn nhẹ, cục bộ
19	Liên Khương		Đức Trọng	129	-6	-60	-79	Hạn vừa

2.3. Tổng hợp thống kê chỉ tiêu ngành**Bảng 2.3. Tổng hợp thống kê chỉ tiêu ngành vùng Tây Nguyên**

TT	Tỉnh	Diện tích sản xuất toàn vùng vụ Đông Xuân 2023-2024 (ha)				Diện tích sản xuất tại các CTTL vụ ĐX 2023-2024 (ha)				DT bị ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước (ha)		
		Tổng	Lúa	CHN khác	Cây ăn quả, CN	Tổng	Lúa	CHN khác	Cây ăn quả, CN	Cao nhất	Hiện tại	Xu thế
	Tổng	1.080.532	87.031	101.473	892.028	248.555	83.010	16.440	149.105	31.349	18.985	18.700
1	Kon Tum	49.225	7.226	5.248	36.751	15.030	6.405	875	7.750	175	175	200
2	Gia Lai	195.787	26.000	37.390	132.397	46.810	26.000	3.370	17.440	1.173	775	1.000
3	Đăk Lăk	323.280	40.000	15.280	268.000	101.066	38.100	4.160	58.806	5.100	5.100	5.000
4	Đăk Nông	186.400	5.200	5.200	176.000	41.300	3.900	2.900	34.500	12.239	12.239	12.000
5	Lâm Đồng	325.840	8.605	38.355	278.880	44.349	8.605	5.135	30.609	12.662	696	700

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, tình hình hạn hán, thiếu nước trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Nguyên đã giảm so với giai đoạn tháng 4/2024 do từ đầu tháng 5/2024 đến nay trong vùng đã bắt đầu có mưa với lượng mưa phổ biến từ 30÷50 mm, cục bộ một số khu vực có mưa từ 50÷90mm. Tính từ đầu năm 2024 đến nay, tổng diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước toàn vùng Tây Nguyên khoảng 31.349 ha (tỉnh Kon Tum 175 ha, tỉnh Gia Lai 1.173 ha, tỉnh Đăk Lăk 5.100 ha, tỉnh Đăk Nông 12.239 ha và tỉnh Lâm Đồng 12.662 ha), chủ yếu là diện tích ngoài các hệ thống công trình thủy lợi đặc biệt đã có 112 ha lúa bị mất trắng (tỉnh Gia Lai 89 ha, tỉnh Lâm Đồng 23 ha).

Dự báo trong tuần tới, khu vực các tỉnh vùng Tây Nguyên sẽ tiếp tục có mưa với lượng mưa phổ biến từ 10÷30 mm, vì vậy nhìn chung diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước sẽ giảm và khả năng sẽ kết thúc vào giai đoạn cuối tháng 5/2024.

Khuyến cáo hiện tại dựa trên số liệu hiện trạng nguồn nước và dự báo mưa đến hết tuần sau, cần theo dõi các bản tin tiếp theo để cập nhật tình hình dự báo mưa và nguồn nước trong giai đoạn tới.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi; Cục Trồng trọt;
- Sở NN&PTNT, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Công Ty TNHH MTV Khai Thác Công Trình Thủy Lợi các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng;
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI